

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B3**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020710	Lê Minh	An	15/02/2009				7	8.0	7.0	8.0	6.0		7.2		7.2
2	2454801020711	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	02/07/2009				5	5.0	5.0	7.0	5.0		2.6		3.7
3	2454801020712	Phan Thế	Danh	05/10/2009				5	8.0	5.0	5.0	6.0		2.2		3.7
4	2454801020713	Võ Trương Thành	Đô	25/03/2009				5	5.0	5.0	7.0	6.0		5.0		5.3
5	2454801020714	Đỗ Trần Phú	Hải	14/05/2009				7	8.0	5.0	9.0	6.0		5.6		6.2
6	2454801020715	Phạm Văn	Huy	05/06/2007				0	0.0	3.0	0.0	0.0		CT		0.3
7	2454801020716	Nguyễn Phước	Kha	24/04/2009				6	8.0	6.0	7.0	5.0		5.0		5.6
8	2454801020717	Lê Nhựt	Khang	30/07/2009				7	8.0	6.0	9.0	6.0		9.4		8.5
9	2454801020719	Nguyễn Lê Tuấn	Khoa	27/09/2009				5	6.0	7.0	7.0	6.0		5.3		5.7
10	2454801020720	Phạm Đăng	Khoa	08/06/2009				5	5.0	5.0	6.0	5.0		5.0		5.1
11	2454801020721	Nguyễn Minh	Lâm	12/05/2009				4	6.0	5.0	7.0	5.0		6.0		5.8
12	2454801020722	Trương Phi	Long	08/06/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
13	2454801020724	Nguyễn Minh	Lực	19/04/2009				10	9.0	9.5	10.0	9.0		9.2		9.3
14	2454801020725	Nguyễn Hoài	Nam	07/11/2009				9	9.0	10.0	9.0	8.0		7.0		7.8
15	2454801020726	Huỳnh Gia	Nghi	03/10/2009				0	0.0	4.0	0.0	0.0		CT		0.4
16	2454801020727	Hồ Tài	Nguyên	10/12/2009				4	0.0	7.5	0.0	0.0		CT		0.8
17	2454801020728	Lê Văn	Nhất	25/10/2009				7	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.3
18	2454801020729	Phạm Quốc	Phú	06/05/2009				6	5.0	5.0	5.0	6.0		5.6		5.5
19	2454801020730	Lê Thiện	Phúc	22/03/2006				10	9.0	10.0	9.0	10.0		9.0		9.2
20	2454801020732	Bùi Văn	Quý	16/09/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
21	2454801020733	Ngô Văn	Quý	11/09/2003				9	9.0	8.0	9.0	8.0		8.4		8.5
22	2454801020734	Đoàn Minh	Tấn	09/09/2009				8	5.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.8
23	2454801020735	Lê Hồng	Tấn	16/10/2009				9	6.0	7.0	8.0	8.0		8.2		7.9
24	2454801020736	Hồ Hoàng	Thái	19/07/2008				4	8.0	5.0	6.0	5.0		1.4		3.2
25	2454801020737	Lâm Hoàng	Thái	20/05/2009				0	5.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.4
26	2454801020738	Lê Chí	Thiện	22/08/2009				7	8.0	4.0	7.0	5.0		5.0		5.4
27	2454801020739	Phạm Quốc	Thiện	02/08/2009				8	0.0	3.0	0.0	0.0		CT		0.6
28	2454801020741	Nguyễn Văn Tân	Tiến	07/09/2009				5	5.0	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0
29	2454801020742	Bùi Nguyễn	Trãi	19/09/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
30	2454801020744	Lê Hoàng	Tuấn	08/11/2009				9	9.0	9.0	9.0	7.0		8.4		8.5
31	2454801020745	Hồ Công	Tỷ	14/06/2009				8	9.0	7.0	8.0	7.0		7.4		7.6

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh